

Số: 2510 /QĐ-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 10 tháng 06 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 497 sinh viên trình độ Đại học, hình thức đào tạo chính quy.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp Đại học sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- PHNT, P.KHTC (phối hợp thực hiện);
- TT.HTSV&QHDN (tổ chức Lễ tốt nghiệp);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

'Ban hành theo Quyết định số 2510 /QĐ-ĐHNL ký ngày 17/6/2025 của Hiệu trưởng'

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH15CK								
1	15118036	Nguyễn Trọng	Hiếu	21/11/1997	Nam	2.44	Trung bình	744/2025/DHCQ_NLU
DH16TD								
1	14138012	Nguyễn Duy	Hoàng	22/04/1996	Nam	2.00	Trung bình	745/2025/DHCQ_NLU
DH17CD								
1	17153010	Vương Quốc Việt	Chí	08/01/1993	Nam	2.39	Trung bình	746/2025/DHCQ_NLU
DH17CKC								
1	17118160	Trần Á	Đông	25/02/1999	Nam	2.49	Trung bình	747/2025/DHCQ_NLU
DH17OT								
1	17154039	Phạm Hoàng	Khang	01/03/1999	Nam	2.32	Trung bình	748/2025/DHCQ_NLU
DH18CD								
1	18153006	Trần Hữu	Chí	18/01/2000	Nam	2.62	Khá	749/2025/DHCQ_NLU
2	18153021	Nguyễn Trung	Hiếu	08/07/2000	Nam	2.70	Khá	750/2025/DHCQ_NLU
3	18153024	Nguyễn Phúc	Hòa	17/07/2000	Nam	2.46	Trung bình	751/2025/DHCQ_NLU
4	18153059	Vũ Thế	Quang	07/09/2000	Nam	2.59	Khá	752/2025/DHCQ_NLU
5	18153078	Tô Trung	Trực	24/02/2000	Nam	2.39	Trung bình	753/2025/DHCQ_NLU
DH18CK								
1	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn	20/06/2000	Nam	2.35	Trung bình	754/2025/DHCQ_NLU
DH18TD								
1	18138020	Đỗ Quốc	Duy	28/08/2000	Nam	2.74	Khá	755/2025/DHCQ_NLU
2	18138028	Trần Văn	Hoài	06/09/2000	Nam	2.58	Khá	756/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	18138059	Nguyễn Phúc	Nguyễn	24/04/2000	Nam	2.48	Trung bình	757/2025/DHCQ_NLU
DH19CC								
1	19118204	Phùng Quốc	Tấn	03/09/2001	Nam	2.50	Khá	758/2025/DHCQ_NLU
DH19CD								
1	19153029	Hoàng Cao	Khải	08/11/2001	Nam	2.23	Trung bình	759/2025/DHCQ_NLU
2	19153078	Nguyễn Hưng	Thịnh	01/01/2001	Nam	2.41	Trung bình	760/2025/DHCQ_NLU
DH19CK								
1	19118093	Nguyễn Minh	Huy	30/01/2001	Nam	2.42	Trung bình	761/2025/DHCQ_NLU
DH19NL								
1	19137014	Trần Minh	Đạt	22/01/2001	Nam	2.11	Trung bình	762/2025/DHCQ_NLU
DH19OT								
1	19154070	Phan Văn	Khang	15/01/2001	Nam	2.33	Trung bình	763/2025/DHCQ_NLU
2	19154119	Phạm Gia	Phúc	21/10/2001	Nam	2.94	Khá	764/2025/DHCQ_NLU
3	19154141	Nguyễn Quốc	Thắng	16/06/2001	Nam	2.69	Khá	765/2025/DHCQ_NLU
DH20CC								
1	20118054	Võ Duy	Phương	09/08/2002	Nam	2.36	Trung bình	767/2025/DHCQ_NLU
2	20118186	Trần Văn	Kiên	27/01/2002	Nam	2.39	Trung bình	766/2025/DHCQ_NLU
DH20CD								
1	20153070	Nguyễn Ngọc	Đình	29/06/2002	Nam	2.49	Trung bình	768/2025/DHCQ_NLU
2	20153075	Nguyễn Chí	Hiếu	16/08/2002	Nam	2.33	Trung bình	769/2025/DHCQ_NLU
3	20153092	Nguyễn Em Hoàng	Khoa	17/06/2002	Nam	2.34	Trung bình	770/2025/DHCQ_NLU
4	20153096	Lê Thanh	Lộc	11/04/2002	Nam	2.75	Khá	771/2025/DHCQ_NLU
5	20153099	Nguyễn Hữu	Lý	02/10/2002	Nam	2.09	Trung bình	772/2025/DHCQ_NLU
DH20CK								
1	20118125	Trần Thanh	Bình	01/07/2002	Nam	2.55	Khá	773/2025/DHCQ_NLU
2	20118129	Lê Hải	Đăng	14/01/2002	Nam	2.35	Trung bình	774/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	20118175	Phan Lê Ngọc	Huy	14/05/2002	Nam	2.47	Trung bình	775/2025/DHCQ_NLU
4	20118187	Trần Tuấn	Kiệt	20/09/2002	Nam	2.50	Khá	776/2025/DHCQ_NLU
DH20NL								
1	20137084	Trần Quang	Huy	09/02/2002	Nam	2.44	Trung bình	777/2025/DHCQ_NLU
2	20137096	Hà Phước	Lộc	21/02/2002	Nam	2.45	Trung bình	778/2025/DHCQ_NLU
DH20OT								
1	20154024	Phùng Quốc	Huy	27/09/2002	Nam	2.56	Khá	780/2025/DHCQ_NLU
2	20154106	Nguyễn Văn	Đức	07/08/2002	Nam	2.40	Trung bình	779/2025/DHCQ_NLU
3	20154147	Dương Trí	Khang	02/11/2002	Nam	2.56	Khá	781/2025/DHCQ_NLU
4	20154195	Phùng Thanh	Phước	05/06/2002	Nam	2.45	Trung bình	782/2025/DHCQ_NLU
5	20154218	Nguyễn Quang	Thành	21/01/2002	Nam	2.25	Trung bình	783/2025/DHCQ_NLU
6	20154221	Nguyễn Thanh	Thiện	13/09/2002	Nam	3.06	Khá	784/2025/DHCQ_NLU
DH20TD								
1	20138049	Trần Ngọc	Trọng	22/02/2002	Nam	2.89	Khá	790/2025/DHCQ_NLU
2	20138095	Nguyễn Anh Hoàng	Khoa	17/06/2002	Nam	2.82	Khá	785/2025/DHCQ_NLU
3	20138113	Phạm Đỗ Anh	Phương	09/05/2002	Nam	2.30	Trung bình	786/2025/DHCQ_NLU
4	20138114	Đoàn Đình	Quân	23/01/2002	Nam	3.17	Khá	787/2025/DHCQ_NLU
5	20138124	Võ Lê Tứ	Tài	17/06/2002	Nam	2.20	Trung bình	788/2025/DHCQ_NLU
6	20138129	Phạm Đức	Thao	24/12/2002	Nam	2.66	Khá	789/2025/DHCQ_NLU
Chăn nuôi Thú Y								
DH15DY								
1	15112019	Hoàng Anh	Đức	14/04/1997	Nam	2.12	Trung bình	791/2025/DHCQ_NLU
DH15TTB								
1	15112332	Phạm Công	Minh	27/09/1997	Nam	2.59	Khá	792/2025/DHCQ_NLU
DH16DY								
1	16112484	Lê Thị Cẩm	Bình	16/09/1998	Nữ	2.69	Khá	793/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH16TT								
1	16112692	Trương Lê Tấn	Tài	29/06/1995	Nam	3.05	Khá	794/2025/DHCQ_NLU
DH16TY								
1	15112171	Nguyễn Huỳnh Hồng	Trân	18/08/1997	Nữ	3.38	Giỏi	795/2025/DHCQ_NLU
DH16TYGLB								
1	16112367	Trần Quốc	Toàn	06/05/1998	Nam	2.30	Trung bình	796/2025/DHCQ_NLU
DH16TYNT								
1	16112408	Thắm Thị	Dịp	18/08/1998	Nữ	2.34	Trung bình	797/2025/DHCQ_NLU
DH17DY								
1	17112213	Mai Trọng	Thường	01/01/1999	Nam	2.50	Khá	798/2025/DHCQ_NLU
DH17TY								
1	17164018	Ngân Văn	Đức	27/06/1998	Nam	2.50	Khá	799/2025/DHCQ_NLU
2	17164029	Bế Thùy	Trang	19/08/1998	Nữ	2.34	Trung bình	800/2025/DHCQ_NLU
DH17TYGL								
1	17112337	Trần Ngọc	Minh	12/12/1999	Nam	2.20	Trung bình	801/2025/DHCQ_NLU
DH18CN								
1	18111089	Phan Thị Quỳnh	Như	27/01/2000	Nữ	2.49	Trung bình	802/2025/DHCQ_NLU
DH18TT								
1	18112271	Bùi Phương	Dung	18/12/2000	Nữ	2.69	Khá	803/2025/DHCQ_NLU
2	18112303	Lê Tường	Vi	07/08/2000	Nữ	3.07	Khá	805/2025/DHCQ_NLU
3	18112358	Huỳnh Tuyết	Quân	18/03/1999	Nữ	2.64	Khá	804/2025/DHCQ_NLU
DH18TY								
1	18112028	Nông Thị Kim	Cúc	07/01/2000	Nữ	2.43	Trung bình	806/2025/DHCQ_NLU
2	18112042	Nguyễn Thùy	Dương	10/03/2000	Nữ	3.09	Khá	808/2025/DHCQ_NLU
3	18112112	Trần Gia	Mẫn	01/05/2000	Nam	2.48	Trung bình	809/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	18112220	Phan Nguyễn Trung	Tín	22/10/2000	Nam	3.18	Khá	810/2025/DHCQ_NLU
5	18112342	Danh Thị Kiều	Diễm	24/11/1999	Nữ	2.23	Trung bình	807/2025/DHCQ_NLU
DH18TYNT								
1	18112340	Châu Trần Hoài	Trình	01/08/2000	Nữ	2.43	Trung bình	811/2025/DHCQ_NLU
DH19CN								
1	19111018	Nguyễn Hữu	Đức	05/06/2001	Nam	2.61	Khá	813/2025/DHCQ_NLU
2	19111020	Lê Tấn	Dũng	11/12/2001	Nam	2.45	Trung bình	812/2025/DHCQ_NLU
3	19111027	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	16/08/2001	Nữ	2.41	Trung bình	814/2025/DHCQ_NLU
4	19111029	Nguyễn Thị Kim	Hà	24/05/2001	Nữ	2.39	Trung bình	815/2025/DHCQ_NLU
5	19111037	Lê Thị Mỹ	Hiền	08/09/2001	Nữ	2.70	Khá	816/2025/DHCQ_NLU
6	19111091	Lê Diệu	Phụng	09/11/2001	Nữ	2.28	Trung bình	817/2025/DHCQ_NLU
7	19111125	Nguyễn Đức Huy	Tiến	29/09/2001	Nam	2.79	Khá	818/2025/DHCQ_NLU
DH19DY								
1	19112065	Lê Thị Tuyết	Hoa	10/02/2001	Nữ	3.20	Giỏi	819/2025/DHCQ_NLU
2	19112120	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	17/06/2001	Nữ	2.87	Khá	820/2025/DHCQ_NLU
3	19112126	Phan Thị Cao	Nguyên	19/11/2001	Nữ	2.77	Khá	821/2025/DHCQ_NLU
4	19112207	Lê Trần Thu	Trúc	10/11/2001	Nữ	2.90	Khá	822/2025/DHCQ_NLU
DH19TA								
1	19111052	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	28/02/2001	Nữ	2.60	Khá	823/2025/DHCQ_NLU
DH19TT								
1	19112097	Trần Phùng Bích	Loan	08/02/2001	Nữ	3.27	Giỏi	825/2025/DHCQ_NLU
2	19112240	Nguyễn Kim Thiên	An	10/08/2001	Nữ	3.07	Khá	824/2025/DHCQ_NLU
3	19112260	Nguyễn Thành	Luân	21/02/2001	Nam	3.30	Giỏi	826/2025/DHCQ_NLU
4	19112263	Nguyễn Lê Nhật	Minh	14/08/2001	Nam	3.13	Khá	827/2025/DHCQ_NLU
5	19112278	Phạm Ngọc Xuân	Thi	06/02/2001	Nữ	2.71	Khá	829/2025/DHCQ_NLU
6	19112285	Nguyễn Thanh	Tú	02/04/2001	Nam	3.11	Khá	828/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19TY								
1	19112002	Nguyễn Hồng	Ân	03/01/2001	Nữ	2.80	Khá	830/2025/DHCQ_NLU
2	19112018	Giản Tư	Chinh	14/01/2001	Nam	2.61	Khá	832/2025/DHCQ_NLU
3	19112020	Nguyễn Thu	Cúc	18/01/2001	Nữ	2.62	Khá	831/2025/DHCQ_NLU
4	19112025	Đào Nguyễn Tiến	Đạt	25/11/2001	Nam	3.09	Khá	833/2025/DHCQ_NLU
5	19112062	Trần Bích	Hiền	23/06/2001	Nữ	2.97	Khá	835/2025/DHCQ_NLU
6	19112101	Nguyễn Minh	Luân	09/04/2001	Nam	3.01	Khá	836/2025/DHCQ_NLU
7	19112102	Nguyễn Trịnh Cẩm	Ly	03/12/2001	Nữ	3.17	Khá	837/2025/DHCQ_NLU
8	19112108	Nguyễn Phương	Minh	13/02/2001	Nữ	2.49	Trung bình	838/2025/DHCQ_NLU
9	19112112	Nguyễn Khoa Hoài	Nam	14/08/2001	Nam	3.20	Giỏi	839/2025/DHCQ_NLU
10	19112121	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	09/01/2001	Nữ	2.79	Khá	840/2025/DHCQ_NLU
11	19112132	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	27/10/2001	Nữ	3.44	Giỏi	841/2025/DHCQ_NLU
12	19112157	Lê Ngọc	Tài	05/09/2001	Nam	3.05	Khá	842/2025/DHCQ_NLU
13	19112200	Phạm Thùy	Trang	28/10/2001	Nữ	2.64	Khá	844/2025/DHCQ_NLU
14	19112238	Võ Thị Như	Ý	21/08/2001	Nữ	3.06	Khá	845/2025/DHCQ_NLU
15	19112401	Nguyễn Minh	Đức	08/02/2001	Nam	3.58	Giỏi	834/2025/DHCQ_NLU
16	19112405	Châu Thị Thu	Yên	17/09/2000	Nữ	2.68	Khá	846/2025/DHCQ_NLU
17	19112914	Lê Trường	Thịnh	09/11/1999	Nam	2.89	Khá	843/2025/DHCQ_NLU
DH19TYGL								
1	19112291	Bùi Nguyễn Hoài	Dung	24/09/2001	Nữ	2.70	Khá	847/2025/DHCQ_NLU
DH19TYNT								
1	19112320	Lê Thảo	Viên	30/10/2001	Nữ	2.46	Trung bình	850/2025/DHCQ_NLU
2	19112379	Hoàng Thanh	Thắm	06/03/2001	Nữ	2.39	Trung bình	849/2025/DHCQ_NLU
3	19112411	Nguyễn Quỳnh Trúc	Nhã	24/09/2001	Nữ	2.54	Khá	848/2025/DHCQ_NLU
DH20CN								
1	20111045	Huỳnh Văn	Kỹ	25/04/2002	Nam	2.30	Trung bình	854/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	20111065	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	14/12/2002	Nữ	2.29	Trung bình	856/2025/DHCQ_NLU
3	20111156	Phạm Chí	Thanh	11/04/2002	Nam	2.62	Khá	859/2025/DHCQ_NLU
4	20111177	Nguyễn Quỳnh	Dao	26/02/2002	Nữ	2.60	Khá	851/2025/DHCQ_NLU
5	20111197	Võ Chí	Hiếu	24/02/2002	Nam	2.47	Trung bình	852/2025/DHCQ_NLU
6	20111204	Nguyễn Khánh	Hưng	20/02/2002	Nam	3.04	Khá	853/2025/DHCQ_NLU
7	20111240	Nguyễn Lại Quỳnh	Nam	01/02/2002	Nam	2.92	Khá	855/2025/DHCQ_NLU
8	20111256	Thái Ngọc Thảo	Nhi	17/11/2002	Nữ	3.09	Khá	857/2025/DHCQ_NLU
9	20111278	Võ Như	Quỳnh	04/08/2002	Nữ	2.48	Trung bình	858/2025/DHCQ_NLU
10	20111315	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/11/2002	Nữ	2.59	Khá	860/2025/DHCQ_NLU
11	20111344	Vũ Ngọc Khánh	Vy	03/01/2002	Nữ	2.43	Trung bình	861/2025/DHCQ_NLU
DH20TA								
1	20111113	Thái Thành	Tiến	18/05/2001	Nam	2.49	Trung bình	863/2025/DHCQ_NLU
2	20111247	Trần Thị Hồng	Ngọc	10/08/2002	Nữ	3.01	Khá	862/2025/DHCQ_NLU
DH20TY								
1	19112221	Đinh Thị Thu	Uyên	11/01/2001	Nữ	2.98	Khá	885/2025/DHCQ_NLU
2	20112024	Huỳnh Thị Bảo	Duy	08/05/2002	Nữ	3.05	Khá	867/2025/DHCQ_NLU
3	20112025	Lê Bảo	Duy	16/06/2002	Nam	3.16	Khá	866/2025/DHCQ_NLU
4	20112068	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Như	08/10/2002	Nữ	3.37	Giỏi	878/2025/DHCQ_NLU
5	20112115	Nguyễn Thị Hồng	Yến	07/04/2002	Nữ	3.20	Giỏi	886/2025/DHCQ_NLU
6	20112191	Hồ Hữu	Bình	19/03/2001	Nam	3.41	Giỏi	864/2025/DHCQ_NLU
7	20112208	Nguyễn Phi	Dung	04/04/2002	Nữ	3.44	Giỏi	865/2025/DHCQ_NLU
8	20112220	Văn Đông	Gun	19/12/2002	Nam	3.01	Khá	868/2025/DHCQ_NLU
9	20112228	Trần Thị Hải	Hậu	17/06/2002	Nữ	3.40	Giỏi	869/2025/DHCQ_NLU
10	20112271	Nguyễn Kim	Loan	20/07/2002	Nữ	2.75	Khá	870/2025/DHCQ_NLU
11	20112273	Nguyễn Thị Mỹ	Lộc	24/11/2002	Nữ	2.80	Khá	871/2025/DHCQ_NLU
12	20112276	Trần Văn	Mạnh	18/06/2002	Nam	2.93	Khá	872/2025/DHCQ_NLU
13	20112283	Phạm Thị Yến	My	02/12/2002	Nữ	2.93	Khá	873/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
14	20112294	Đình Tú	Ngọc	07/10/2002	Nữ	2.67	Khá	874/2025/DHCQ_NLU
15	20112302	Mai Nguyễn Cao	Nguyên	08/01/2002	Nam	2.83	Khá	875/2025/DHCQ_NLU
16	20112305	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	24/10/2002	Nữ	3.56	Giỏi	876/2025/DHCQ_NLU
17	20112311	Nguyễn Thị Thiên	Nhi	30/09/2002	Nữ	3.25	Giỏi	877/2025/DHCQ_NLU
18	20112321	Châu Văn	Phi	30/11/2002	Nam	2.77	Khá	879/2025/DHCQ_NLU
19	20112342	Nguyễn Quốc	Quyền	18/12/2002	Nam	3.22	Giỏi	882/2025/DHCQ_NLU
20	20112378	Lê Nguyễn Trí	Tín	19/06/2002	Nam	3.13	Khá	883/2025/DHCQ_NLU
21	20112397	Nguyễn Thanh	Trúc	06/03/2002	Nam	3.20	Giỏi	884/2025/DHCQ_NLU
22	20112905	Nguyễn Duy	Phú	25/12/1998	Nam	2.63	Khá	880/2025/DHCQ_NLU
23	20112906	Hà Lê Gia	Phúc	02/06/1998	Nữ	2.60	Khá	881/2025/DHCQ_NLU
DH21TA								
1	21111208	Võ Thục	Đoan	16/10/2003	Nữ	2.89	Khá	887/2025/DHCQ_NLU
Kinh tế								
DH14QT								
1	14122160	Trần Thị Kim	Tuyền	01/10/1996	Nữ	2.57	Khá	888/2025/DHCQ_NLU
DH16QT								
1	16122256	Nguyễn Thị Hằng	Ni	01/01/1996	Nữ	3.21	Giỏi	889/2025/DHCQ_NLU
DH17KN								
1	17155032	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	19/08/1999	Nữ	2.89	Khá	890/2025/DHCQ_NLU
DH17QT								
1	17122170	Dương Thùy	Trâm	25/04/1999	Nữ	2.67	Khá	891/2025/DHCQ_NLU
DH18KM								
1	18120144	Đỗ Thị Bé	Ngọc	03/09/2000	Nữ	3.38	Giỏi	892/2025/DHCQ_NLU
DH18QTC								
1	18122384	Lê Thị Thùy	Linh	24/10/2000	Nữ	3.50	Giỏi	894/2025/DHCQ_NLU
2	18122422	Lê An	Hà	13/10/2000	Nữ	3.13	Khá	893/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH18TM								
1	18122230	Hồ Nguyễn Nguyệt	Sang	24/05/2000	Nữ	3.35	Giỏi	895/2025/DHCQ_NLU
DH19KE								
1	19123066	Quảng Thị Tuyết	Mai	20/12/2001	Nữ	2.78	Khá	896/2025/DHCQ_NLU
DH19KN								
1	19155046	Phạm Thị	Loan	13/12/2001	Nữ	2.99	Khá	897/2025/DHCQ_NLU
DH19QT								
1	19122207	Triệu Phú	Quý	23/08/2001	Nam	3.37	Giỏi	899/2025/DHCQ_NLU
2	19122301	Lê Đình	Tùng	30/04/2001	Nam	2.80	Khá	900/2025/DHCQ_NLU
3	19122400	Dương Thị Ánh	Nguyên	05/03/2001	Nữ	3.05	Khá	898/2025/DHCQ_NLU
DH19QTC								
1	19122333	Phan Thị Ngọc	Ánh	15/08/2001	Nữ	3.42	Giỏi	901/2025/DHCQ_NLU
2	19122364	Phan Thái Lam	Thùy	15/03/2001	Nữ	3.19	Khá	902/2025/DHCQ_NLU
DH20KE								
1	20123218	Trần Bảo	Trân	08/11/2002	Nữ	2.59	Khá	903/2025/DHCQ_NLU
DH20KM								
1	20120219	Võ Thị Huyền	My	23/11/2002	Nữ	2.78	Khá	904/2025/DHCQ_NLU
2	20120310	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	18/08/2002	Nữ	3.23	Giỏi	905/2025/DHCQ_NLU
DH20KN								
1	20155079	Chu Quốc	Anh	23/08/2002	Nam	2.70	Khá	906/2025/DHCQ_NLU
2	20155138	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	25/04/2002	Nữ	2.79	Khá	907/2025/DHCQ_NLU
DH20KT								
1	20120169	Đình Gia	Cao	26/11/2002	Nam	3.09	Khá	908/2025/DHCQ_NLU
DH20PT								
1	20121009	Nguyễn Thị Phương	Oanh	10/09/2002	Nữ	2.97	Khá	909/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20QT								
1	20122234	Hồ Nguyễn Thành	An	30/03/2002	Nam	2.91	Khá	910/2025/DHCQ_NLU
2	20122248	Võ Lê	Bách	17/10/2002	Nam	3.20	Giỏi	911/2025/DHCQ_NLU
3	20122276	Lê Uy	Đức	15/08/2002	Nam	3.07	Khá	912/2025/DHCQ_NLU
4	20122469	Nguyễn Thị	Phương	20/10/2002	Nữ	2.98	Khá	913/2025/DHCQ_NLU
5	20122542	Nguyễn Ngọc	Trân	27/10/2002	Nữ	3.00	Khá	914/2025/DHCQ_NLU
6	20122564	Nguyễn Thị Nhật	Trúc	13/11/2002	Nữ	2.78	Khá	915/2025/DHCQ_NLU
DH20QTC								
1	20122326	Đinh Việt	Hùng	12/10/2002	Nam	2.51	Khá	916/2025/DHCQ_NLU
2	20122331	Dương Lê Gia	Huy	17/12/2002	Nam	3.12	Khá	917/2025/DHCQ_NLU
DH20QTNT								
1	20122628	Đỗ Gia	Huy	11/09/2001	Nam	2.95	Khá	918/2025/DHCQ_NLU
DH20TC								
1	20122548	Huỳnh Ngọc	Trang	28/09/2002	Nữ	3.24	Giỏi	919/2025/DHCQ_NLU
DH20TM								
1	20122609	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/01/2002	Nữ	3.22	Giỏi	920/2025/DHCQ_NLU
DH21KE								
1	21123264	Phạm Thị Kim	Oanh	02/02/2003	Nữ	3.26	Giỏi	921/2025/DHCQ_NLU
2	21123270	Nguyễn Thị Tố	Quyên	11/03/2003	Nữ	3.14	Khá	922/2025/DHCQ_NLU
DH21KM								
1	21120078	Thái Nguyễn Quốc	Hưng	14/02/2003	Nam	2.60	Khá	925/2025/DHCQ_NLU
2	21120330	Nguyễn Thị Minh	Anh	19/09/2003	Nữ	3.49	Giỏi	923/2025/DHCQ_NLU
3	21120340	Trần Diễm	Chi	07/01/2003	Nữ	2.83	Khá	924/2025/DHCQ_NLU
DH21KN								
1	21155120	Nguyễn Thị	Ngân	08/11/2003	Nữ	3.63	Xuất sắc	926/2025/DHCQ_NLU
2	21155187	Phạm Quỳnh Khánh	Vy	05/06/2003	Nữ	3.43	Giỏi	927/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	21155190	Nguyễn Thị Mai	Xuân	02/12/2003	Nữ	2.99	Khá	928/2025/DHCQ_NLU
4	21155191	Lâm Võ Hoàng	Yến	01/01/2003	Nữ	3.29	Giỏi	929/2025/DHCQ_NLU
DH21KT								
1	21120090	Lý Văn	Khang	05/10/2003	Nam	3.20	Khá	933/2025/DHCQ_NLU
2	21120360	Nguyễn Hải	Dương	17/10/2003	Nữ	3.60	Xuất sắc	930/2025/DHCQ_NLU
3	21120395	Lê Quang	Huy	28/03/2003	Nam	2.70	Khá	932/2025/DHCQ_NLU
4	21120396	Nguyễn Gia	Huy	11/01/2003	Nam	3.28	Giỏi	931/2025/DHCQ_NLU
5	21120435	Nguyễn Thị Phương	Nam	07/12/2003	Nữ	3.39	Giỏi	934/2025/DHCQ_NLU
6	21120458	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/10/2003	Nữ	3.23	Giỏi	935/2025/DHCQ_NLU
7	21120515	Trần Thị Mỹ	Thạnh	17/05/2003	Nữ	3.39	Giỏi	938/2025/DHCQ_NLU
8	21120517	Dương Thị Ngọc	Thảo	01/01/2003	Nữ	3.32	Giỏi	939/2025/DHCQ_NLU
9	21120520	Nguyễn Thị Thu	Thảo	08/06/2003	Nữ	3.15	Khá	940/2025/DHCQ_NLU
10	21120536	Trần Thị Anh	Thư	21/05/2003	Nữ	3.28	Giỏi	941/2025/DHCQ_NLU
11	21120546	Nguyễn Thị Thanh	Trà	11/02/2003	Nữ	3.00	Khá	942/2025/DHCQ_NLU
12	21120553	Đào Thùy	Trang	28/04/2003	Nữ	3.08	Khá	943/2025/DHCQ_NLU
13	21120561	Nguyễn Thị Bích	Triều	14/04/2003	Nữ	3.67	Xuất sắc	944/2025/DHCQ_NLU
14	21120562	Hoàng Kiều	Trình	15/05/2003	Nữ	3.01	Khá	947/2025/DHCQ_NLU
15	21120564	Lê Thị Mỹ	Trình	03/08/2003	Nữ	3.35	Giỏi	946/2025/DHCQ_NLU
16	21120565	Nguyễn Thị	Trình	15/01/2002	Nữ	3.56	Giỏi	945/2025/DHCQ_NLU
17	21120575	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	02/06/2003	Nữ	3.18	Khá	936/2025/DHCQ_NLU
18	21120577	Phan Thị Cẩm	Tú	10/12/2003	Nữ	2.88	Khá	937/2025/DHCQ_NLU
DH21QT								
1	21122113	Nguyễn Thanh	Huy	13/01/2003	Nữ	3.28	Giỏi	951/2025/DHCQ_NLU
2	21122227	Phan Ngọc	Nhi	09/12/2003	Nữ	3.10	Khá	953/2025/DHCQ_NLU
3	21122356	Phạm Thị Minh	Trang	04/10/2003	Nữ	3.62	Xuất sắc	957/2025/DHCQ_NLU
4	21122367	Nguyễn Thị Thùy	Trình	14/02/2003	Nữ	3.53	Giỏi	958/2025/DHCQ_NLU
5	21122495	Ngô Thị Mỹ	Chi	17/08/2003	Nữ	3.46	Giỏi	948/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	21122562	Phạm Văn	Hùng	08/03/2003	Nam	3.72	Xuất sắc	949/2025/DHCQ_NLU
7	21122569	Đình Quang	Huy	30/03/2003	Nam	3.61	Xuất sắc	950/2025/DHCQ_NLU
8	21122572	Huỳnh Huy	Huyền	05/09/2003	Nữ	3.44	Giỏi	952/2025/DHCQ_NLU
9	21122685	Nguyễn Lê Nhật	Quyên	27/11/2003	Nữ	3.10	Khá	954/2025/DHCQ_NLU
10	21122720	Huỳnh Hữu	Thịnh	26/05/2003	Nam	3.24	Giỏi	955/2025/DHCQ_NLU
11	21122725	Trần Thị	Thu	31/10/2003	Nữ	3.37	Giỏi	956/2025/DHCQ_NLU
12	21122812	Nguyễn Quốc	Việt	04/01/2003	Nam	3.06	Khá	959/2025/DHCQ_NLU
DH21QTCA								
1	21122643	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	25/03/2003	Nữ	3.16	Khá	960/2025/DHCQ_NLU
2	21122745	Lý Thị Bích	Thủy	12/11/2003	Nữ	3.11	Khá	961/2025/DHCQ_NLU
3	21122806	Nguyễn Thị	Uyên	12/04/2003	Nữ	3.72	Xuất sắc	962/2025/DHCQ_NLU
DH21QTCB								
1	21122718	Võ Kim	Thiên	08/07/2003	Nữ	3.21	Giỏi	963/2025/DHCQ_NLU
2	21122726	Bùi Minh	Thư	24/10/2003	Nữ	3.79	Xuất sắc	964/2025/DHCQ_NLU
DH21TC								
1	21122062	Trần Thùy	Dương	08/10/2003	Nữ	3.30	Giỏi	965/2025/DHCQ_NLU
2	21122079	Bùi Ngọc Bảo	Hân	13/10/2003	Nữ	3.35	Giỏi	966/2025/DHCQ_NLU
3	21122159	Huỳnh Thị Trà	Mi	14/01/2003	Nữ	3.23	Giỏi	967/2025/DHCQ_NLU
4	21122462	Huỳnh Thị Huyền	Trân	19/05/2003	Nữ	3.53	Giỏi	968/2025/DHCQ_NLU
DH21TM								
1	21122322	Nguyễn Thị Minh	Thư	20/11/2003	Nữ	3.64	Xuất sắc	976/2025/DHCQ_NLU
2	21122487	Lê Thị Ngọc	Ánh	14/12/2003	Nữ	3.23	Giỏi	969/2025/DHCQ_NLU
3	21122514	Hà Thùy	Dung	16/05/2003	Nữ	3.61	Xuất sắc	970/2025/DHCQ_NLU
4	21122629	Đồng Hoài	Nam	17/05/2003	Nam	3.41	Giỏi	971/2025/DHCQ_NLU
5	21122635	Phạm Thị	Nga	06/04/2003	Nữ	3.18	Khá	972/2025/DHCQ_NLU
6	21122657	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	18/03/2001	Nữ	3.64	Xuất sắc	973/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	21122659	Trần Thiên	Nhi	20/02/2003	Nữ	3.39	Giỏi	974/2025/DHCQ_NLU
8	21122749	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	22/01/2003	Nữ	3.60	Xuất sắc	975/2025/DHCQ_NLU
9	21122764	Đỗ Ngọc	Trần	24/01/2003	Nữ	3.00	Khá	977/2025/DHCQ_NLU
Lâm nghiệp								
DH15CB								
1	15115103	Bùi Văn	Nghĩa	30/08/1997	Nam	2.85	Khá	978/2025/DHCQ_NLU
DH17QR								
1	17114004	K'	Bì	01/10/1999	Nam	2.62	Khá	979/2025/DHCQ_NLU
DH18GN								
1	18115048	Nguyễn Vĩ	Khang	05/10/2000	Nam	3.00	Khá	980/2025/DHCQ_NLU
DH19GN								
1	19114007	Dương Ngọc Thùy	Dương	15/07/2001	Nữ	2.90	Khá	981/2025/DHCQ_NLU
2	19115098	Vì Nguyễn Như	Quỳnh	21/04/2001	Nữ	2.75	Khá	982/2025/DHCQ_NLU
3	19115145	Đào Duy Phong	Vương	29/01/2001	Nam	2.95	Khá	983/2025/DHCQ_NLU
DH20CB								
1	20115197	Đỗ Đại	Hải	08/09/2002	Nam	3.01	Khá	984/2025/DHCQ_NLU
2	20115288	Trần Ninh Thúy	Vy	29/01/2000	Nữ	3.21	Giỏi	985/2025/DHCQ_NLU
DH20GN								
1	20115266	Hà Thị Lệ	Thiện	20/12/2001	Nữ	2.84	Khá	987/2025/DHCQ_NLU
2	20165011	Nguyễn Mạnh	Toàn	05/07/2002	Nam	3.06	Khá	986/2025/DHCQ_NLU
DH20LN								
1	20114030	Tăng Vũ Thu	Trang	03/09/2002	Nữ	2.75	Khá	988/2025/DHCQ_NLU
Môi trường và Tài nguyên								
DH17ES								
1	17163009	Vũ Thành	Công	04/08/1999	Nam	2.62	Khá	989/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17MT								
1	17127024	Trương Thị Thúy	Hằng	25/10/1999	Nữ	2.79	Khá	990/2025/DHCQ_NLU
2	17127082	Trương Hồ Bảo	Trân	20/05/1999	Nữ	2.83	Khá	991/2025/DHCQ_NLU
DH17QM								
1	17149061	Nguyễn Huỳnh Thanh Bảo	Khánh	04/06/1999	Nam	2.50	Khá	992/2025/DHCQ_NLU
DH18MT								
1	18127005	Trần Nguyễn Kỳ	Anh	20/11/2000	Nữ	2.74	Khá	993/2025/DHCQ_NLU
2	18127015	Ngô Thy	Giang	16/12/2000	Nữ	2.67	Khá	994/2025/DHCQ_NLU
DH18QM								
1	18149123	Lò Duy	Trình	03/04/1999	Nam	2.40	Trung bình	995/2025/DHCQ_NLU
DH20ES								
1	20163092	Nguyễn Thị Minh	Khuê	22/05/2002	Nữ	2.78	Khá	997/2025/DHCQ_NLU
2	20163117	Doãn Thị	Dung	21/07/2002	Nữ	3.23	Giỏi	996/2025/DHCQ_NLU
3	20163138	Trần Hoàng	Phi	19/10/2002	Nam	2.67	Khá	998/2025/DHCQ_NLU
DH20HM								
1	20166016	Đỗ Văn	Quốc	17/05/2002	Nam	3.29	Giỏi	1001/2025/DHCQ_NLU
2	20166035	Phạm Ngô Phú	Khánh	20/02/2002	Nam	2.80	Khá	999/2025/DHCQ_NLU
3	20166045	Ngô Thị Trúc	Ngân	28/09/2002	Nữ	3.27	Giỏi	1000/2025/DHCQ_NLU
DH20MT								
1	20127009	Lê Thành	Đạt	19/06/2002	Nam	2.83	Khá	1002/2025/DHCQ_NLU
2	20127019	Nguyễn Ngọc	Hiệp	02/03/2002	Nam	2.83	Khá	1003/2025/DHCQ_NLU
3	20127152	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	29/08/2002	Nữ	2.93	Khá	1004/2025/DHCQ_NLU
4	20127155	Nguyễn Thành	Trung	15/03/2002	Nam	2.60	Khá	1005/2025/DHCQ_NLU
DH20QM								
1	20149132	Nguyễn Gia	Bảo	01/06/2002	Nam	2.49	Trung bình	1006/2025/DHCQ_NLU
2	20149146	Trần Đức	Định	13/03/2002	Nam	2.84	Khá	1007/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	20149202	Lê Ngọc	Phát	09/07/2002	Nam	2.71	Khá	1008/2025/DHCQ_NLU
Nông học								
DH16BV								
1	16145201	Chau Phol	La	23/05/1998	Nam	2.81	Khá	1014/2025/DHCQ_NLU
DH18NHB								
1	18113181	Lê Thanh	Tuấn	04/06/2000	Nam	2.70	Khá	1015/2025/DHCQ_NLU
DH19NHA								
1	19113174	Lê Trần Minh	Tú	26/05/2001	Nam	2.94	Khá	1017/2025/DHCQ_NLU
2	19132010	Lê Hoàng	Nhân	27/05/2001	Nam	3.04	Khá	1016/2025/DHCQ_NLU
DH19NHB								
1	19113145	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	05/08/2001	Nữ	3.05	Khá	1018/2025/DHCQ_NLU
2	19113163	Trương Thị Hoa	Trâm	20/09/2001	Nữ	3.20	Giỏi	1019/2025/DHCQ_NLU
3	19113171	Đình Thái Thành	Trung	01/06/2001	Nam	3.05	Khá	1020/2025/DHCQ_NLU
DH20BV								
1	20145107	Phạm Trần Khánh	Duy	16/09/2002	Nam	2.89	Khá	1021/2025/DHCQ_NLU
2	20145127	Nguyễn Hoàng	Lâm	05/01/2002	Nam	3.24	Giỏi	1022/2025/DHCQ_NLU
3	20145139	Nguyễn Hữu	Ngọc	20/09/2002	Nam	2.66	Khá	1023/2025/DHCQ_NLU
4	20145177	Hồ Sỹ	Tú	08/06/2002	Nam	3.12	Khá	1024/2025/DHCQ_NLU
DH20NHA								
1	20113204	Trần Quế	Anh	14/04/2002	Nữ	2.48	Trung bình	1025/2025/DHCQ_NLU
2	20113205	Lê Hữu	Bằng	13/10/2002	Nam	2.78	Khá	1026/2025/DHCQ_NLU
3	20113239	Trần Thái Thị Ngọc	Hân	04/12/2002	Nữ	2.54	Khá	1027/2025/DHCQ_NLU
4	20113262	Lê Văn	Lam	09/06/2002	Nam	2.88	Khá	1028/2025/DHCQ_NLU
5	20113271	Cao Thị Thu	Lộc	01/04/2002	Nữ	3.00	Khá	1029/2025/DHCQ_NLU
DH20NHB								
1	20113351	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	09/04/2002	Nữ	2.80	Khá	1030/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21BVA								
1	21145012	Vũ Minh	Chiến	13/12/2003	Nam	3.95	Xuất sắc	1031/2025/DHCQ_NLU
DH21NHA								
1	21113014	Ca Hồng	Đoan	20/02/2002	Nữ	3.31	Giỏi	1032/2025/DHCQ_NLU
2	21113026	Đặng Đình	Huy	16/06/2003	Nam	2.74	Khá	1036/2025/DHCQ_NLU
3	21113030	Nguyễn Lâm Chí	Khanh	27/12/2003	Nam	3.30	Giỏi	1037/2025/DHCQ_NLU
4	21113124	Nguyễn Ngọc	Vy	23/11/2003	Nữ	3.17	Khá	1039/2025/DHCQ_NLU
5	21113175	Phạm Văn Mới	Em	26/10/2003	Nam	3.56	Giỏi	1033/2025/DHCQ_NLU
6	21113177	Nguyễn Ngọc Thu	Hằng	12/10/2003	Nữ	3.34	Giỏi	1035/2025/DHCQ_NLU
7	21113178	Mai Thị Mỹ	Hạnh	05/01/2003	Nữ	2.81	Khá	1034/2025/DHCQ_NLU
8	21113209	Trương Bích	Lài	04/02/2003	Nữ	3.11	Khá	1038/2025/DHCQ_NLU
DH21NHC								
1	21113286	Nguyễn Thành	Tâm	17/07/2003	Nam	3.80	Xuất sắc	1040/2025/DHCQ_NLU
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH15AV								
1	15128144	Phạm Hồ Phương	Vy	11/10/1997	Nữ	3.00	Khá	1009/2025/DHCQ_NLU
DH19AV								
1	19128048	Bùi Huy	Hoàng	04/01/2001	Nam	2.54	Khá	1010/2025/DHCQ_NLU
DH20AV								
1	20128192	Trần Ngọc	Khiêm	19/04/2002	Nam	2.60	Khá	1011/2025/DHCQ_NLU
2	20128212	Nguyễn Nhu	Mỹ	15/05/2002	Nữ	2.56	Khá	1012/2025/DHCQ_NLU
DH20SP								
1	20132060	Phùng Thị Minh	Tâm	24/10/2002	Nữ	2.94	Khá	1013/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH18QL								
1	18124081	Nguyễn Công	Minh	04/09/2000	Nam	2.52	Khá	1041/2025/DHCQ_NLU
2	18124129	Nguyễn Ngọc	Son	13/10/2000	Nam	2.62	Khá	1042/2025/DHCQ_NLU
DH18TB								
1	18124071	Nguyễn Phương	Linh	25/05/2000	Nữ	2.84	Khá	1043/2025/DHCQ_NLU
DH19QL								
1	19124020	Lưu Thị Hồng	Ánh	24/11/2001	Nữ	2.81	Khá	1044/2025/DHCQ_NLU
2	19124076	Phạm Nguyễn Ngọc	Giàu	27/06/2001	Nữ	2.53	Khá	1045/2025/DHCQ_NLU
3	19124204	Nguyễn Trúc	Như	09/11/2001	Nữ	2.90	Khá	1046/2025/DHCQ_NLU
4	19124253	Phạm Minh	Thành	23/02/2001	Nam	2.62	Khá	1047/2025/DHCQ_NLU
5	19124254	Trương Đức	Thành	06/11/2001	Nam	2.78	Khá	1048/2025/DHCQ_NLU
DH20QD								
1	20124198	Đặng Thanh	Tiền	03/07/2002	Nữ	2.90	Khá	1051/2025/DHCQ_NLU
2	20124304	Trần Nguyễn Thiên	Hà	11/03/2002	Nam	2.97	Khá	1049/2025/DHCQ_NLU
3	20124440	Lê Nguyễn Hoàng	Phi	24/02/2002	Nam	2.67	Khá	1050/2025/DHCQ_NLU
DH20QL								
1	20124062	Phạm Quốc	Huy	28/06/2002	Nam	2.65	Khá	1054/2025/DHCQ_NLU
2	20124083	Huỳnh Ngọc Mỹ	Linh	15/04/2002	Nữ	2.42	Trung bình	1055/2025/DHCQ_NLU
3	20124290	Trịnh Yên	Duy	19/10/2002	Nữ	2.56	Khá	1052/2025/DHCQ_NLU
4	20124307	Nguyễn Lý Gia	Hân	11/09/2002	Nữ	2.54	Khá	1053/2025/DHCQ_NLU
5	20124359	Lê Thị Kim	Linh	05/08/2002	Nữ	2.71	Khá	1057/2025/DHCQ_NLU
6	20124363	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/08/2002	Nữ	2.74	Khá	1056/2025/DHCQ_NLU
7	20124398	Huỳnh Thị Xuân	Nghi	13/09/2002	Nữ	2.81	Khá	1058/2025/DHCQ_NLU
8	20124417	Phạm Thị Thu	Nguyệt	10/11/2002	Nữ	2.44	Trung bình	1059/2025/DHCQ_NLU
9	20124472	Đặng Nguyễn Nhựt	Thanh	24/02/2002	Nam	2.65	Khá	1060/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
10	20124552	Ngô Vĩnh Thanh	Vinh	27/11/2002	Nam	2.80	Khá	1061/2025/DHCQ_NLU
DH20TB								
1	20135009	Hoàng Văn	Hưng	17/11/2002	Nam	2.82	Khá	1062/2025/DHCQ_NLU
2	20135078	Vũ	Minsu	29/06/2002	Nam	3.00	Khá	1063/2025/DHCQ_NLU
3	20135088	Phạm Vũ Nhật	Phong	04/10/2002	Nam	3.08	Khá	1064/2025/DHCQ_NLU
DH21TB								
1	21135019	Nguyễn Thị Thảo	Dân	19/09/2003	Nữ	2.73	Khá	1065/2025/DHCQ_NLU
2	21135276	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	15/07/2003	Nữ	3.51	Giỏi	1066/2025/DHCQ_NLU
3	21135296	Nguyễn Ngọc Huệ	Linh	22/03/2003	Nữ	3.15	Khá	1067/2025/DHCQ_NLU
Khoa học sinh học								
DH18SM								
1	18126170	Nguyễn Thị Thu	Thúy	19/11/2000	Nữ	3.14	Khá	1068/2025/DHCQ_NLU
DH19SHA								
1	19126021	Đinh Thuy	Danh	27/01/2001	Nữ	2.95	Khá	1069/2025/DHCQ_NLU
2	19126113	Bùi Như	Ngọc	30/05/2001	Nữ	2.89	Khá	1070/2025/DHCQ_NLU
DH19SHB								
1	19126034	Trần Nhật	Duy	26/12/2001	Nam	2.81	Khá	1071/2025/DHCQ_NLU
2	19126084	Chu Trần Nhật	Linh	12/03/2001	Nam	3.01	Khá	1072/2025/DHCQ_NLU
DH19SHD								
1	19126018	Nguyễn Thị Minh	Châu	27/12/2001	Nữ	3.36	Giỏi	1073/2025/DHCQ_NLU
DH19SM								
1	19126160	Luận Mai Nguyên	Thanh	05/06/2001	Nữ	3.05	Khá	1074/2025/DHCQ_NLU
2	19126189	Cao Bảo	Trân	14/07/2001	Nữ	2.85	Khá	1075/2025/DHCQ_NLU
DH20SHA								
1	20126016	Huỳnh Ngọc	Hân	01/12/2002	Nữ	3.18	Khá	1078/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	20126068	Lâm Quỳnh	Như	27/09/2002	Nữ	3.48	Giỏi	1083/2025/DHCQ_NLU
3	20126156	Nguyễn Văn Quang	Minh	17/01/2002	Nam	3.32	Giỏi	1082/2025/DHCQ_NLU
4	20126199	Trần Quốc	Cường	28/02/2002	Nam	3.25	Giỏi	1076/2025/DHCQ_NLU
5	20126206	Trương Trâm Anh	Đào	15/11/2002	Nữ	3.35	Giỏi	1077/2025/DHCQ_NLU
6	20126289	Phan Nhã	Linh	17/04/2002	Nữ	3.25	Giỏi	1079/2025/DHCQ_NLU
7	20126294	Phan Tấn	Lộc	29/01/2002	Nam	3.09	Khá	1080/2025/DHCQ_NLU
8	20126301	Huỳnh Thị Yến	Ly	08/05/2002	Nữ	2.86	Khá	1081/2025/DHCQ_NLU
9	20126373	Trịnh Thị Thanh	Thúy	22/11/2002	Nữ	2.94	Khá	1086/2025/DHCQ_NLU
10	20126387	Đặng Nguyễn Thùy	Trang	06/03/2002	Nữ	3.27	Giỏi	1087/2025/DHCQ_NLU
11	20126400	Hoàng Thị	Tú	27/02/2002	Nữ	3.26	Giỏi	1084/2025/DHCQ_NLU
12	20126402	Võ Thái	Tuấn	04/10/2002	Nam	3.01	Khá	1085/2025/DHCQ_NLU
DH20SHB								
1	20126191	Trần Quốc	Bảo	26/02/2002	Nam	3.45	Giỏi	1088/2025/DHCQ_NLU
2	20126194	Nguyễn Minh	Chánh	19/11/2002	Nam	3.25	Khá	1089/2025/DHCQ_NLU
3	20126195	Trần Bảo	Chi	01/02/2002	Nữ	3.37	Giỏi	1090/2025/DHCQ_NLU
4	20126197	Huỳnh Công	Chiến	14/04/2002	Nam	3.16	Khá	1091/2025/DHCQ_NLU
5	20126220	Đinh Vũ Kỳ	Dung	05/09/2002	Nữ	3.29	Giỏi	1092/2025/DHCQ_NLU
6	20126239	Lý Thị	Hằng	21/08/2002	Nữ	2.89	Khá	1094/2025/DHCQ_NLU
7	20126241	Đặng Nguyễn Hồng	Hạnh	28/07/2002	Nữ	2.96	Khá	1093/2025/DHCQ_NLU
8	20126290	Phùng Thị Mỹ	Linh	27/06/2002	Nữ	3.46	Giỏi	1095/2025/DHCQ_NLU
9	20126302	Nguyễn Thị Trúc	Mai	07/01/2002	Nữ	3.25	Giỏi	1096/2025/DHCQ_NLU
10	20126324	Tô Mỹ	Nhân	17/08/2002	Nữ	3.46	Giỏi	1097/2025/DHCQ_NLU
11	20126330	Nguyễn Phạm Song	Như	25/04/2002	Nữ	2.81	Khá	1098/2025/DHCQ_NLU
12	20126338	Trần Đình	Phong	11/12/2002	Nam	3.14	Khá	1099/2025/DHCQ_NLU
13	20126349	Trần Chí	Tâm	19/01/2002	Nam	3.03	Khá	1100/2025/DHCQ_NLU
14	20126385	Hồ Trần Thị Bảo	Trân	22/07/2002	Nữ	3.46	Giỏi	1102/2025/DHCQ_NLU
15	20126405	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	12/06/2002	Nữ	3.42	Giỏi	1101/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
16	20126412	Kiều Trọng	Vinh	08/03/2002	Nam	2.89	Khá	1103/2025/DHCQ_NLU
DH20SHC								
1	20126133	Trần Nhật	Mai	18/05/2002	Nữ	3.45	Giỏi	1106/2025/DHCQ_NLU
2	20126253	Phạm Mai	Hương	14/10/2002	Nữ	2.82	Khá	1104/2025/DHCQ_NLU
3	20126274	Trương Tú	Kiệt	05/01/2002	Nam	3.30	Giỏi	1105/2025/DHCQ_NLU
DH20SHD								
1	20126096	Nguyễn Thị Bé	Thư	31/10/2002	Nữ	3.13	Khá	1118/2025/DHCQ_NLU
2	20126097	Nguyễn Thị Minh	Thư	24/06/2002	Nữ	3.30	Giỏi	1116/2025/DHCQ_NLU
3	20126259	Nguyễn Hoàng	Huy	15/09/2002	Nam	2.93	Khá	1107/2025/DHCQ_NLU
4	20126280	Nguyễn Thị	Lan	10/06/2002	Nữ	3.28	Giỏi	1108/2025/DHCQ_NLU
5	20126309	Tiết Thị Diễm	My	20/02/2002	Nữ	3.28	Giỏi	1109/2025/DHCQ_NLU
6	20126325	Lê Tuyết	Nhi	10/06/2002	Nữ	3.29	Giỏi	1110/2025/DHCQ_NLU
7	20126333	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/11/2002	Nữ	3.33	Giỏi	1111/2025/DHCQ_NLU
8	20126341	Nguyễn Tiến Mai	Phương	11/12/2002	Nữ	3.22	Giỏi	1112/2025/DHCQ_NLU
9	20126347	Nguyễn Tấn	Tài	25/08/2002	Nam	3.01	Khá	1113/2025/DHCQ_NLU
10	20126362	Võ Thị Phương	Thi	06/11/2002	Nữ	3.10	Khá	1115/2025/DHCQ_NLU
11	20126368	Huỳnh Thị Minh	Thư	09/09/2002	Nữ	3.07	Khá	1117/2025/DHCQ_NLU
12	20126378	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	27/11/2002	Nữ	3.28	Giỏi	1114/2025/DHCQ_NLU
13	20126391	Lê Nguyễn Băng	Trình	10/04/2002	Nữ	3.36	Giỏi	1119/2025/DHCQ_NLU
14	20126415	Hoàng Nguyễn Thị Thảo	Vy	20/06/2002	Nữ	3.18	Khá	1120/2025/DHCQ_NLU
DH20SM								
1	20126205	Châu Thị Hồng	Đào	21/02/2002	Nữ	3.53	Giỏi	1121/2025/DHCQ_NLU
2	20126207	Lê Quốc	Đạt	05/11/2002	Nam	3.41	Giỏi	1122/2025/DHCQ_NLU
3	20126245	Đặng Thế	Hiển	19/10/2002	Nam	3.41	Giỏi	1123/2025/DHCQ_NLU
4	20126284	Trần Thị Huỳnh	Liên	14/01/2002	Nữ	3.42	Giỏi	1124/2025/DHCQ_NLU
5	20126288	Phạm Thùy	Linh	02/07/2002	Nữ	3.52	Giỏi	1125/2025/DHCQ_NLU
6	20126318	Lý Thị Hồng	Ngọc	25/01/2002	Nữ	3.21	Giỏi	1126/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	20126345	Nguyễn Văn	Sáng	18/09/2002	Nam	3.39	Giỏi	1127/2025/DHCQ_NLU
8	20126351	Ngô Nhật	Tân	07/07/2002	Nam	3.52	Giỏi	1128/2025/DHCQ_NLU
9	20126357	Chu Văn	Thao	11/12/2001	Nam	3.18	Khá	1129/2025/DHCQ_NLU
10	20126363	Nguyễn Đông	Thiên	01/02/2002	Nam	3.66	Xuất sắc	1130/2025/DHCQ_NLU
11	20126392	Nguyễn Thị Đan	Trinh	16/09/2002	Nữ	3.38	Giỏi	1131/2025/DHCQ_NLU
12	20126410	Nguyễn Tường	Vi	10/11/2002	Nữ	3.19	Khá	1132/2025/DHCQ_NLU
13	20126420	Phan Hồ Như	Ý	22/09/2002	Nữ	3.20	Giỏi	1133/2025/DHCQ_NLU
DH21SHA								
1	21126236	Trang Thị Tường	Vi	02/09/2003	Nữ	3.41	Giỏi	1134/2025/DHCQ_NLU
Công nghệ thông tin								
DH15DTA								
1	15130199	Trần Bảo	Trân	20/02/1996	Nam	2.45	Trung bình	1223/2025/DHCQ_NLU
DH17DTB								
1	17130266	Sú Lâm	Tùng	27/09/1998	Nam	2.41	Trung bình	1224/2025/DHCQ_NLU
DH18DTA								
1	18130150	Hồ Quốc	Nghĩa	12/03/2000	Nam	2.38	Trung bình	1225/2025/DHCQ_NLU
DH19DTA								
1	19130120	Cao Huy Tấn	Lộc	06/06/2001	Nam	2.72	Khá	1226/2025/DHCQ_NLU
2	19130162	Thị	Nhi	08/05/1998	Nữ	2.59	Khá	1227/2025/DHCQ_NLU
3	19130263	Lương Văn	Vĩ	10/07/2000	Nam	2.42	Trung bình	1228/2025/DHCQ_NLU
DH19DTB								
1	19130060	Lê Quốc Sơn	Giang	07/07/2001	Nam	2.35	Trung bình	1229/2025/DHCQ_NLU
2	19130143	Võ Hoàng	Nam	16/07/2001	Nam	2.89	Khá	1230/2025/DHCQ_NLU
DH20DTA								
1	20130212	Đỗ Phú Nguyên	Chương	17/07/2002	Nam	2.43	Trung bình	1231/2025/DHCQ_NLU
2	20130278	Hồ Nhật	Huy	01/11/2002	Nam	2.38	Trung bình	1232/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	20130378	Trần Văn Phú	Quý	18/06/2002	Nam	2.50	Khá	1233/2025/DHCQ_NLU
DH20DTB								
1	20130222	Cao Thành	Đạt	27/07/2002	Nam	2.39	Trung bình	1234/2025/DHCQ_NLU
2	20130252	Trần Nhựt	Hào	15/06/2002	Nam	3.02	Khá	1235/2025/DHCQ_NLU
3	20130257	Nguyễn Thị	Hiền	06/06/2002	Nữ	2.40	Trung bình	1236/2025/DHCQ_NLU
4	20130424	Đặng Công	Thuận	05/11/2002	Nam	2.97	Khá	1237/2025/DHCQ_NLU
DH20DTC								
1	20130099	Dương Thanh	Phụng	19/10/2002	Nam	3.02	Khá	1240/2025/DHCQ_NLU
2	20130199	Lê Đặng Xuân	Bách	18/07/2002	Nam	2.84	Khá	1238/2025/DHCQ_NLU
3	20130356	Phan Thị Quỳnh	Như	31/12/2002	Nữ	2.86	Khá	1239/2025/DHCQ_NLU
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH17DD								
1	17125239	Vũ Thị Như	Quỳnh	10/10/1999	Nữ	3.08	Khá	1135/2025/DHCQ_NLU
DH17HT								
1	17139130	Nguyễn Thị Như	Thảo	23/04/1999	Nữ	2.72	Khá	1136/2025/DHCQ_NLU
DH17TP								
1	17117005	Tô Công	Định	09/10/1999	Nam	2.99	Khá	1137/2025/DHCQ_NLU
DH18HD								
1	18139046	Nguyễn Thanh	Hằng	25/01/2000	Nữ	2.77	Khá	1138/2025/DHCQ_NLU
2	18139224	Nguyễn Quốc	Việt	21/04/2000	Nam	2.95	Khá	1139/2025/DHCQ_NLU
DH18HT								
1	18139105	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/09/2000	Nữ	2.60	Khá	1140/2025/DHCQ_NLU
DH18TP								
1	18125434	Trương Thị Thanh	Xuân	12/09/2000	Nữ	2.62	Khá	1141/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19HD								
1	19139150	Lê Ngọc Thanh	Thảo	08/12/2001	Nữ	2.62	Khá	1142/2025/DHCQ_NLU
DH19TP								
1	19125530	Trần Thu	Thảo	28/02/2001	Nữ	3.32	Giỏi	1143/2025/DHCQ_NLU
DH20BQ								
1	20125704	Cao Nguyễn Việt	Thư	25/04/2002	Nữ	3.41	Giỏi	1145/2025/DHCQ_NLU
2	20125736	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	30/05/2002	Nữ	3.38	Giỏi	1144/2025/DHCQ_NLU
3	20125771	Dương Thị Hồng	Trúc	07/11/2002	Nữ	2.48	Trung bình	1146/2025/DHCQ_NLU
4	20125810	Ngô Quốc	Vương	18/10/2002	Nam	2.76	Khá	1147/2025/DHCQ_NLU
DH20BQC								
1	20125455	Trần Đăng	Khoa	23/05/2002	Nam	3.00	Khá	1148/2025/DHCQ_NLU
2	20125561	Mai Nguyễn Bảo	Ngọc	19/02/2002	Nữ	2.96	Khá	1149/2025/DHCQ_NLU
3	20125683	Võ Trường	Thành	29/07/2002	Nam	2.81	Khá	1150/2025/DHCQ_NLU
4	20125705	Đinh Diêm Quỳnh	Thư	29/05/2002	Nữ	3.01	Khá	1151/2025/DHCQ_NLU
5	20125757	Nguyễn Thị Linh	Trang	03/11/2002	Nữ	3.08	Khá	1152/2025/DHCQ_NLU
6	20125794	Lê Gia	Uyên	03/09/2002	Nữ	3.16	Khá	1153/2025/DHCQ_NLU
DH20DD								
1	20125173	Huỳnh Thị Hằng	Vy	24/09/2002	Nữ	3.31	Giỏi	1155/2025/DHCQ_NLU
2	20125499	Bùi Hữu	Luân	06/03/2002	Nam	3.10	Khá	1154/2025/DHCQ_NLU
DH20HD								
1	20139211	Lê Ngọc	Hiền	10/11/2002	Nữ	2.57	Khá	1156/2025/DHCQ_NLU
2	20139214	Trần Văn	Hiệp	06/05/2002	Nam	2.88	Khá	1157/2025/DHCQ_NLU
3	20139264	Trần Thị Quỳnh	Ngân	10/06/2002	Nữ	2.58	Khá	1159/2025/DHCQ_NLU
4	20139266	Võ Thị Thu	Ngân	03/05/2002	Nữ	2.50	Khá	1158/2025/DHCQ_NLU
5	20139280	Đặng Thị Hoàng	Nhi	26/10/2002	Nữ	2.89	Khá	1160/2025/DHCQ_NLU
6	20139288	Nguyễn Trang Quỳnh	Như	01/01/2002	Nữ	2.92	Khá	1161/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	20139387	Nguyễn Thị Hồng	Yến	21/10/2002	Nữ	2.73	Khá	1162/2025/DHCQ_NLU
DH20HS								
1	20139195	Nguyễn Trần Phương	Dung	13/12/2002	Nữ	3.17	Khá	1163/2025/DHCQ_NLU
2	20139212	Nguyễn Dương Hoàng	Hiền	01/07/2002	Nam	2.85	Khá	1164/2025/DHCQ_NLU
3	20139285	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	11/11/2002	Nữ	3.22	Giỏi	1165/2025/DHCQ_NLU
DH20HT								
1	20139333	Nguyễn Thị Anh	Thư	16/11/2002	Nữ	2.71	Khá	1166/2025/DHCQ_NLU
DH20TP								
1	20125256	Hồ Mỹ	Nhi	27/06/2002	Nữ	3.56	Giỏi	1170/2025/DHCQ_NLU
2	20125264	Lê Phú	Quý	23/04/2002	Nam	3.64	Xuất sắc	1171/2025/DHCQ_NLU
3	20125332	Phan Thị Thái	Bình	31/12/2002	Nữ	3.71	Xuất sắc	1167/2025/DHCQ_NLU
4	20125567	Võ Hồng	Ngọc	18/04/2002	Nữ	3.47	Giỏi	1169/2025/DHCQ_NLU
5	20125706	Đinh Ngọc Minh	Thư	10/01/2002	Nữ	3.66	Xuất sắc	1173/2025/DHCQ_NLU
6	20125728	Nguyễn Thị Thu	Thùy	11/01/2002	Nữ	3.57	Giỏi	1172/2025/DHCQ_NLU
7	20125775	Phạm Thanh	Trúc	11/08/2002	Nữ	3.43	Giỏi	1174/2025/DHCQ_NLU
8	20126249	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	28/02/2002	Nữ	3.24	Giỏi	1168/2025/DHCQ_NLU
DH20VT								
1	20125130	Nguyễn Thị Anh	Thư	16/10/2002	Nữ	2.75	Khá	1177/2025/DHCQ_NLU
2	20125621	Trần Tấn	Phát	10/06/2002	Nam	3.05	Khá	1175/2025/DHCQ_NLU
3	20125726	Trần Phương	Thùy	20/02/2002	Nữ	3.35	Giỏi	1176/2025/DHCQ_NLU
DH21BQ								
1	21125472	Nguyễn Quang	Tuyên	22/07/2003	Nam	3.31	Giỏi	1180/2025/DHCQ_NLU
2	21129563	Võ Thị Ngọc	Bích	17/01/2003	Nữ	3.28	Giỏi	1178/2025/DHCQ_NLU
3	21129761	Hồ Thị Hồng	My	16/11/2003	Nữ	3.15	Khá	1179/2025/DHCQ_NLU
4	21129827	Nguyễn Hoàng Sao	Vỹ	23/09/2003	Nam	3.61	Xuất sắc	1181/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21DD								
1	21125166	Đặng Thị Thu	Liên	23/05/2003	Nữ	3.40	Giỏi	1184/2025/DHCQ_NLU
2	21125423	Đồng Minh	Trâm	29/09/2003	Nữ	3.20	Giỏi	1186/2025/DHCQ_NLU
3	21125447	Khẩu Minh	Trí	27/07/2003	Nam	3.51	Giỏi	1187/2025/DHCQ_NLU
4	21125502	Nguyễn Thị Tường	Vy	16/04/2003	Nữ	2.84	Khá	1190/2025/DHCQ_NLU
5	21129593	Đoàn Minh	Đức	25/12/2003	Nam	3.33	Giỏi	1182/2025/DHCQ_NLU
6	21129705	Phạm Việt	Khoa	16/11/2002	Nam	3.50	Giỏi	1183/2025/DHCQ_NLU
7	21129728	Lê Thị Thúy	Uyên	07/05/2003	Nữ	3.53	Giỏi	1188/2025/DHCQ_NLU
8	21129740	Nguyễn Thị Thúy	Vân	22/08/2003	Nữ	2.94	Khá	1189/2025/DHCQ_NLU
9	21129850	Tăng Thị Quỳnh	Như	03/01/2003	Nữ	2.94	Khá	1185/2025/DHCQ_NLU
DH21HD								
1	21139007	Nguyễn Hào Nhật	Anh	01/05/2003	Nữ	3.29	Giỏi	1191/2025/DHCQ_NLU
2	21139013	Võ Thị Ngọc	Ánh	21/04/2003	Nữ	3.05	Khá	1193/2025/DHCQ_NLU
3	21139039	Lê Quang	Duy	18/04/2003	Nam	3.68	Xuất sắc	1194/2025/DHCQ_NLU
4	21139045	Phạm Thị Bích	Giao	23/03/2003	Nữ	2.86	Khá	1196/2025/DHCQ_NLU
5	21139082	Trần Tuấn	Lộc	02/08/2003	Nam	3.30	Giỏi	1197/2025/DHCQ_NLU
6	21139108	Phạm Lê Thiện	Nhân	19/02/2003	Nam	2.93	Khá	1198/2025/DHCQ_NLU
7	21139226	Nguyễn Ngọc Kim	Anh	26/10/2003	Nữ	3.01	Khá	1192/2025/DHCQ_NLU
8	21139272	Lê Thị Châu	Giang	01/02/2003	Nữ	3.16	Khá	1195/2025/DHCQ_NLU
9	21139416	Võ Huỳnh	Quyên	18/08/2003	Nữ	3.11	Khá	1199/2025/DHCQ_NLU
10	21139447	Trần Phạm Anh	Thư	19/08/2003	Nữ	2.98	Khá	1200/2025/DHCQ_NLU
11	21139479	Hồ Hoàng Diệu	Trúc	17/09/2003	Nữ	3.15	Khá	1201/2025/DHCQ_NLU
12	21139497	Phạm Thị Minh	Việt	25/12/2003	Nữ	2.73	Khá	1202/2025/DHCQ_NLU
13	21139506	Nguyễn Ngọc Như	Ý	19/12/2003	Nữ	3.20	Giỏi	1203/2025/DHCQ_NLU
14	21139507	Phạm Như	Ý	17/12/2003	Nữ	2.78	Khá	1204/2025/DHCQ_NLU
DH21HS								
1	21139227	Nguyễn Thị Tuấn	Anh	11/03/2003	Nữ	3.47	Giỏi	1205/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21HT								
1	21139415	Trần Thị Thùy	Quyên	19/04/2003	Nữ	3.27	Giỏi	1206/2025/DHCQ_NLU
2	21139438	Phạm Thị Trúc	Thi	09/08/2003	Nữ	3.36	Giỏi	1207/2025/DHCQ_NLU
3	21139466	Nguyễn Thị Huyền	Trân	15/12/2003	Nữ	3.06	Khá	1208/2025/DHCQ_NLU
4	21139476	Ngô Ngọc	Trình	17/09/2003	Nữ	3.03	Khá	1209/2025/DHCQ_NLU
DH21VT								
1	21129555	Nguyễn Thị Thùy	Trình	06/07/2003	Nữ	2.83	Khá	1211/2025/DHCQ_NLU
2	21129854	Hà Kim	Oanh	18/05/2003	Nữ	2.89	Khá	1210/2025/DHCQ_NLU
3	21129860	Bùi Thị Hồng	Yến	12/09/2003	Nữ	3.01	Khá	1212/2025/DHCQ_NLU
Thủy sản								
DH18NT								
1	18116066	Đỗ Trung	Quân	08/02/2000	Nam	2.50	Khá	1213/2025/DHCQ_NLU
DH19NY								
1	19116039	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	16/05/2001	Nữ	2.25	Trung bình	1214/2025/DHCQ_NLU
DH20CT								
1	20117078	Võ Thị Bé	Hiền	25/01/2002	Nữ	2.63	Khá	1215/2025/DHCQ_NLU
2	20117097	Nguyễn Ngọc	Huy	16/03/2002	Nam	2.94	Khá	1216/2025/DHCQ_NLU
3	20117110	Ngô Nhã	Phương	28/05/2002	Nữ	2.96	Khá	1217/2025/DHCQ_NLU
DH20KS								
1	20116247	Huỳnh Thanh	Tân	18/06/2002	Nam	2.51	Khá	1218/2025/DHCQ_NLU
DH20NT								
1	20116243	Nguyễn Thanh	Quy	23/05/2002	Nam	2.90	Khá	1219/2025/DHCQ_NLU
DH20NY								
1	20116021	Ngô Nhật	Đông	19/10/2002	Nam	2.71	Khá	1221/2025/DHCQ_NLU
2	20116081	Nguyễn Khánh	Như	27/07/2002	Nữ	3.14	Khá	1222/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	20116178	Nguyễn Hoàng Cương	21/06/2002	Nam	2.41	Trung bình	1220/2025/DHCQ_NLU



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN TẤT TOÀN

